

BIỂU MẪU CÔNG KHAI

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 01

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN TRƯỜNG MẦM NON BẾ NGOAN 3

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non

Sơ kết học kỳ I năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ đạt được	- Hoàn thành chương trình chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành ở học kỳ I - Khẩu phần dinh dưỡng đạt: 55%-57%/calo/ngày. - Tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng(SDD) so với đầu năm: + SDD thể nhẹ cân: giảm 03/05, tỷ lệ 60% + SDD thể gầy còm: giảm 0/1, tỷ lệ 0% + SDD thể thấp còi: giảm 1/4, tỷ lệ 25% - Tỷ lệ giảm dư cân, béo phì so với đầu năm học: cải thiện 2/7, tỷ lệ 28,57%	- Hoàn thành chương trình chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành - Khẩu phần dinh dưỡng đạt: 51-55%/calo/ngày. - Tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng (SDD) so với đầu năm học: + SDD thể nhẹ cân: giảm 2/4 tỷ lệ 50% + SDD thể gầy còm: giảm 0/0, tỷ lệ 0% + SDD thể thấp còi: giảm 0/0, tỷ lệ 0% - Tỷ lệ giảm dư cân, béo phì so với đầu năm học: cải thiện 24/65, tỷ lệ 36.92%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- 100% Thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	- 100% Thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	* Thể chất: - 73% trẻ thực hiện được vận động cơ bản và một số tổ chất vận động ban đầu(nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể) - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động của bàn tay, ngón tay. Thực hiện phối hợp tay – mắt, phối hợp tay – chân - cơ thể, thể hiện sức mạnh của cơ bắp. * Tình cảm xã hội: - 70% Trẻ Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người sự vật gần gũi - 70% Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt - 70% Thích hát, nghe hát và vận động theo nhạc	* Thể chất: - 78% Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp - 78% Tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tổ chất trong vận động - 78% Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe - 76% Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt * Tình cảm xã hội: - 74% Có ý thức về bản thân, có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh - 72% Có một số phẩm chất: mạnh dạn, tự tin, biết chia sẻ, biết lắng nghe - 72% Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia

		* Nhận thức: - 65% trẻ Thích tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh - 50% trẻ Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật gần gũi quen thuộc * Ngôn ngữ: - 50% Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói - 50% Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói cử chỉ - 50% Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu - 50% Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói - 70% Hồn nhiên trong giao tiếp	sẽ * Nhận thức: - 70% Ham hiểu biết, thích tìm hiểu khám phá các sự vật, thế giới xung quanh - 70% Có khả năng quan sát, so sánh, phán đoán - 70% Có khả năng diễn đạt tình cảm thông qua hành động và ngôn ngữ - 70% Có một số khái niệm sơ đẳng về toán * Ngôn ngữ: - 65% Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày - 60% Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau(lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - 60% Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong đời sống hằng ngày - 60% Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện - 60% Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi - 58% Có một số kỹ năng ban đầu về đọc viết * Thẩm mỹ: - 68% Có khả năng cảm nhận về đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật - 68% Có khả năng thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc, tạo hình - 65% Yêu thích hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như vui Trung Thu, Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, KN ngày TLQĐNDVN 22/12, lễ hội mừng xuân Quý Mão	- 90% Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như vui Trung Thu, Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, KN ngày TLQĐNDVN, lễ hội mừng xuân. - 95% Tham quan khu di tích Ngã ba Giồng, giao lưu cùng các chú bộ đội - 15/15 lớp học ngoại khoá: Anh văn, Thể dục nhịp điệu, Kỹ năng sống, Vẽ, Toán tư duy.

Hóc Môn, ngày 15 tháng 12 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Trinh

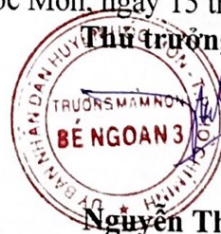
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON BẾ NGOAN 3

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Sơ kết học kỳ I năm học 2023 - 2024 (Học kỳ I)

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			6-18 tháng tuổi	19-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	721	11	31	97	141	214	227
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	721	11	31	97	141	214	227
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	721	11	31	97	141	214	227
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe							
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	721	11	31	97	141	214	227
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	721	11	31	97	141	214	227
1	Số trẻ cân nặng bình thường	671	11	31	90	133	192	214
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	4	0	0	2	0	1	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	721	11	31	97	141	214	227
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	03	0	02	01	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	46	0	0	5	8	21	12
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	721	11	31	97	141	214	227
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	139	11	31	97			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	582				141	214	227

Hóc Môn, ngày 15 tháng 12 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Trinh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON BẾ NGOAN 3

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Sơ kết học kỳ I năm học 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	19	2m²/trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	19	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4250	5.1m²/trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1552	1.88m²/trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	96	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	20	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	24	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	96	
6	Diện tích phòng Hoạt động âm nhạc (m ²)	96	
7	Diện tích Thư viện (m ²)	24	
8	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	260	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	19	19 bộ/19 nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	19	19 bộ/19 nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	10	10 bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	26	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	20	1
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	5	1
3	Máy PHOTO COPY	1	
5	Catsset	20	1

6	Thiết bị khác	20	
7	Bàn ghế đúng quy cách	400 bộ	
8	Camera an ninh	0	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	19	5	28	0.5	0.5
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	
..			

Hóc Môn, ngày 15 tháng 12 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Trinh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON BÉ NGOAN 3

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, Sơ kết học kỳ I năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	khá	Đạt	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	62		01	42	03	02	13	1	29	15				
I	Giáo viên	42			39	02	01		01	29	12				
1	Nhà trẻ	14			12	01	01		01	8	5				
2	Mẫu giáo	28			24	4	0		0	21	7				
II	Cán bộ quản lý	03		01	01	01					03				
1	Hiệu trưởng	01		01							01				
2	Phó hiệu trưởng	02			01	01					02				
III	Nhân viên	17			03		01	13							
1	Nhân viên văn thư	01			01										
2	Nhân viên kế toán	01			01										
3	Thủ quỹ	01			01										
4	Nhân viên y tế	01					01								
5	Nhân viên khác	13						13							

Hóc Môn, ngày 15 tháng 12 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Trinh